TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2021/DSST
Ngày 25/10/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Từ Tứ Hải

2/ - Ông Lê Thanh Liêm

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2021/ TLST- DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/ QĐXXST- DS ngày 21 tháng 09 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị N**, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ Đ, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ Đ, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: **Chị Lê Thị K**, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T T, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1984 (chồng của chị Lê Thị K) (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T T, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày: Nguyên vào ngày 09/11/2019 chị Lê Thị K có đến nhà em ruột tôi là Nguyễn Thị N vay số tiền là 40.700.000đ (bốn mươi triệu bảy trăm nghìn đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, lúc vay thì chị K có làm biên nhận nợ với em tôi vào ngày 09/11/2019, mục đích chị K vay tiền của em tôi là để lấy vốn làm ăn phát triển kinh tế gia đình, thời hạn vay là 01 tháng, vào ngày 09/12/2019 chị K sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho em tôi. Đến ngày 02/04/2020, chị Lê Thị K có đến nhà em tôi là Nguyễn Thị N vay tiếp số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, lúc vay thì chị K có làm biên nhận nợ với em tôi vào ngày 02/04/2020, mục đích chị K vay tiền của em tôi là để lấy vốn làm ăn phát triển kinh tế gia đình, thời hạn vay là 06 tháng, vào ngày 02/09/2020 chị K sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho em tôi.

Đến nay thì chị K vẫn không có đóng lãi và trả nợ gốc cho em tôi mặc dù em tôi có đến nhà chị K đòi nợ nhiều lần nhưng chị K chỉ hứa mà không thực hiện việc trả nợ.

Nay tại phiên tòa, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp giải quyết buộc chị Lê Thị K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho em tôi là Nguyễn Thị N số tiền gốc của 02 khoản vay tổng cộng số tiền là 140.700.000đ (một trăm bốn mươi triệu bảy trăm nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi như sau:

- Số tiền gốc 40.700.000đ (bốn mươi triệu bảy trăm nghìn đồng) tôi yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 10/11/2019 cho đến nay.

- Số tiền gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tôi yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 03/04/2020 cho đến nay.

Bị đơn chị Lê Thị K trình bày: chị Lê Thị K vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn D trình bày: anh Phạm Văn D vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** chị Lê Thị K với tư cách là bị đơn, anh Phạm Văn D với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa hôm nay, chị K và anh D vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt và tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự, các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho chị K và anh D, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị K và anh D là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Nguyễn Thị N với chị Lê Thị K là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

[3] Xét yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu chị Lê Thị K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn D có nghĩa

vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền gốc của 02 khoản vay là 140.700.000đ (một trăm bốn mươi triệu bảy trăm nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì chị N có cho chị K vay số tiền gốc là 40.700.000đ (bốn mươi triệu bảy trăm nghìn đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, lúc vay thì chị K có làm biên nhận nợ với chị N vào ngày 09/11/2021, thời hạn vay là 01 tháng, vào ngày 09/12/2019 chị K sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho chị N. Đến ngày 02/04/2020, chị K có đến nhà chị N vay tiếp số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, lúc vay thì chị K có làm biên nhận nợ với chị N vào ngày 02/04/2020, thời hạn vay là 06 tháng, vào ngày 02/09/2020 chị K sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho chị N. Đến hạn trả nợ thì chị K không thực hiện việc trả nợ và chị N nhiều lần đến nhà chị K đòi nợ nhưng chị K chỉ hứa chứ không trả nợ cho chị N và được biết mục đích chị K vay tiền của chị N là lấy vốn làm ăn để phát triển kinh tế gia đình và mang lại thu nhập chung cho gia đình, theo khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30...."; theo khoản 1 Điều 30: "vợ, chồng có nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy số tiền mà chị K nợ chị N số tiền gốc của 02 khoản vay là 140.700.000đ (một trăm bốn mươi triệu bảy trăm nghìn đồng) được coi là nợ chung của vợ chồng chị Lê Thị K, anh Phạm Văn D.

Nay tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn chị Lê Thị K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền gốc là 140.700.000đ (một trăm bốn mươi triệu bảy trăm nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Lời yêu cầu của chị T phù hợp với Điều 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Như vậy số tiền lãi của khoản vay số tiền gốc 40.700.000đ (bốn mươi triệu bảy trăm nghìn đồng) trong vụ kiện này tính từ ngày 10/11/2019 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 25/10/2021 là 710 ngày cụ thể như sau: 40.700.000đ x 1,66% x 710 ngày = 15.989.673đ tính tròn là 15.990.000đ (mười lăm triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) và số tiền lãi của khoản vay số tiền gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) trong vụ kiện này tính từ

ngày 03/04/2020 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 25/10/2021 là 567 ngày cụ thể như sau: 100.000.000đ x 1,66% x 567 ngày = 31.374.000đ (ba mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 188.064.000đ (một trăm tám mươi tám triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

[4] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của chị N được chấp nhận nên chị N không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị N số tiền là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008195 ngày 22/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc chị Lê Thị K, anh Phạm Văn D phải nộp: 188.064.000đ x 5% = 9.403.200đ tính tròn là 9.403.000đ (chín triệu bốn trăm lẻ ba nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 463, Khoản 1 Điều 468 Bộ Luật Dân Sự năm 2015, khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N.

3/ Buộc chị Lê Thị K và anh Phạm Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền gốc và lãi là 188.064.000đ (một trăm tám mươi tám triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T có đơn yêu cầu Thi hành án nếu chị Lê Thị K và anh Phạm Văn D không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4/ Về án phí DSST:

- Buộc chị Lê Thị K, anh Phạm Văn D nộp 9.403.000đ (chín triệu bốn trăm lẻ ba nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị N số tiền là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008195 ngày 22/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thị Kim T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho chị Lê Thị K, anh Phạm Văn D biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật